



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH SỐ 1
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0204 3526 269 – Email: cembacgiang@gmail.com

Số: 2521/2025/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV Địa chỉ: Thôn Đồng Rì, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh
Vị trí lấy mẫu	-KT ₀₁ : Lấy tại lò hơi số 1 – thời điểm 1, vào lúc 13h00. Toạ độ: 21°10'48,58"N; 106°46'41,47"E. -KT ₀₂ : Lấy tại lò hơi số 1 – thời điểm 2, vào lúc 15h00 Toạ độ: 21°10'48,58"N; 106°46'41,47"E.
Phương pháp lấy mẫu	Nhiệt độ, SO ₂ , NO _x , CO: BG-HDKT; Hàm ẩm: US EPA Method 4; Vận tốc: US EPA Method 2; Bụi tổng: US EPA Method 5; NH ₃ : JIS K 0099: 2020; H ₂ S: JIS K 0108: 2010
Ngày lấy mẫu: 19/9/2025	Ngày phân tích: 19/9 - 09/10/2025

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn áp dụng		Kết quả		Phương pháp thử
					19/9/25/ 969/KT ₀₁	19/9/25/ 969/KT ₀₂	
1	Nhiệt độ	°C	-		148,58	148,93	BG-HDKT
2	Hàm ẩm	%	-		5,2	4,5	US EPA Method 4
3	Vận tốc khí	m/s	-		18,0	17,8	US EPA Method 2
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	QCVN 22: 2009/ BTNMT, cột B, C _{max}	200	74	85	US EPA Method 5
5	SO ₂	mg/Nm ³		500	168,47	171,78	BG-HDKT
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³		1.000	18,26	23,30	BG-HDKT
7	CO	mg/Nm ³	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C _{max}	800	63,97	73,88	BG-HDKT
8	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³		6	KPH	KPH	JIS-K 0108: 2010
9	NH ₃ ^(a)	mg/Nm ³		40	KPH	KPH	JIS K 0099: 2020

Ghi chú: (-): Không quy định.

Các thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện bởi Công ty cổ phần nông nghiệp và môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

QCVN 22: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện.

QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

$C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó:

C_{max} : Là nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm³.

C là nồng độ của các thông số ô nhiễm quy định tại mục 2.2 của QCVN 22: 2009/BTNMT và QCVN 19: 2009/BTNMT.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc TN&MT Bắc Ninh số 1.

3. Các thông số có dấu "*" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.

4. Quá thời hạn 7 ngày kể từ ngày trả kết quả, Trung tâm quan trắc TN&MT Bắc Ninh số 1 không giải quyết việc khiếu nại.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH SỐ 1
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0204 3526 269 – Email: cembacgiang@gmail.com

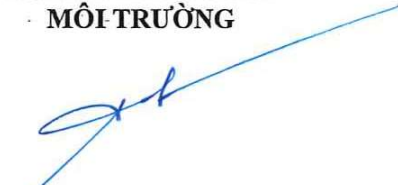
K_p: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải.

K_v: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 22: 2009/BTNMT và QCVN 19: 2009/BTNMT

K_{p1}: Là hệ số công suất quy định tại mục 2.3 của QCVN 22: 2009/BTNMT

Hệ số K_p, K_v trong khi thải áp dụng theo quy định của GPMT số 113/GPMT-BNNMT, cụ thể như sau: QCVN 22:2009/BTNMT áp cột B với K_p=1,0; K_v =1,0 và QCVN 19:2009/BTNMT áp cột B với K_p= 0,8; K_v= 1,0)

**PHÒNG PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG**


Phạm Hương Lưu

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu Huyền



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH SỐ 1
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0204 3526 269 – Email: cembacgiang@gmail.com

Số: 2522/2025/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV Địa chỉ: Thôn Đồng Rì, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh
Vị trí lấy mẫu	- KT ₀₃ : Lấy tại lò hơi số 02 – thời điểm 1, vào lúc 08h00. Tọa độ: 21°10'49,59"N; 106°46'41,85"E. - KT ₀₄ : Lấy tại lò hơi số 02 – thời điểm 2, vào lúc 10h00. Tọa độ: 21°10'49,59"N; 106°46'41,85"E.
Phương pháp lấy mẫu	Nhiệt độ, SO ₂ , NO _x , CO: BG-HDKT; Hàm ẩm: US EPA Method 4; Vận tốc: US EPA Method 2; Bụi tổng: US EPA Method 5; NH ₃ : JIS K 0099: 2020; H ₂ S: JIS K 0108: 2010
Ngày lấy mẫu: 19/9/2025	Ngày phân tích: 19/9 - 09/10/2025

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn áp dụng		Kết quả		Phương pháp thử
					19/9/25/ 969/KT ₀₃	19/9/25/ 969/KT ₀₄	
1	Nhiệt độ	°C	-	-	124,07	124,92	BG-HDKT
2	Hàm ẩm	%	-	-	4,7	4,7	US EPA Method 4
3	Vận tốc khí	m/s	-	-	18,1	17,9	US EPA Method 2
4	SO ₂	mg/Nm ³	QCVN 22: 2009/ BTNMT cột B, C _{max}	500	265,75	265,21	BG-HDKT
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³		1.000	71,76	73,28	BG-HDKT
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	QCVN 19: 2009/ BTNMT cột B, C _{max}	160	76	80	US EPA Method 5
7	CO	mg/Nm ³		800	67,74	69,30	BG-HDKT
8	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³		6	KPH	KPH	JIS K 0108: 2010
9	NH ₃ ^(a)	mg/Nm ³		40	KPH	KPH	JIS K 0099: 2020

Ghi chú: (-): Không quy định.

Các thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện bởi Công ty cổ phần nông nghiệp và môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

QCVN 22: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện.

QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

$C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó:

C_{max} : Là nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm³.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc TN&MT Bắc Ninh số 1.
 3. Các thông số có dấu "*" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.
 4. Quá thời hạn 7 ngày kể từ ngày trả kết quả, Trung tâm quan trắc TN&MT Bắc Ninh số 1 không giải quyết việc khiếu nại.
- BM/01 - LBH: 12



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH SỐ 1
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0204 3526 269 – Email: cembacgiang@gmail.com

C là nồng độ của các thông số ô nhiễm quy định tại mục 2.2 của QCVN 22: 2009/BTNMT và QCVN 19: 2009/BTNMT.

K_p: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải.

K_v: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 22: 2009/BTNMT và QCVN 19: 2009/BTNMT

K_{p1}: Là hệ số công suất quy định tại mục 2.3 của QCVN 22: 2009/BTNMT

Hệ số K_p, K_v trong khí thải áp dụng theo quy định của GPMT số 113/GPMT-BNNMT, cụ thể như sau: QCVN 22:2009/BTNMT áp cột B với K_p=1,0; K_v =1,0 và QCVN 19:2009/BTNMT áp cột B với K_p= 0,8; K_v= 1,0)

**PHÒNG PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG**


Phạm Hương Lựu

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Thị Thu Huyền